

VIỆN HÀN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THƯƠNG HUYỀN

**QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI, 2021

VIỆN HÀN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ THƯƠNG HUYỀN

**QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số : 9.38.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
PGS.TS. NGUYỄN THỊ VIỆT HƯƠNG**

HÀ NỘI, 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận án đảm bảo tính chính xác, nghiêm túc, tin cậy và trung thực.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Lê Thương Huyền

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.....	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án	3
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án	5
5. Đóng góp mới về khoa học của luận án.....	6
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.....	7
7. Cấu trúc của luận án	7
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ ĐỀ TÀI	
LUẬN ÁN	8
1.1. Tình hình nghiên cứu về đề tài luận án.....	8
1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	17
1.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu của luận án	20
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI.	23
2.1. Khái niệm, đặc điểm và các mối quan hệ của quyền tự do lập hội ...	23
2.2. Chủ thể, nội dung, giới hạn chính đáng của quyền tự do lập hội	43
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyền tự do lập hội	58
Kết luận chương 2	65
Chương 3: THỰC TRẠNG QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI Ở VIỆT	
NAM HIỆN NAY	67
3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền tự do lập hội	67
3.2. Thực trạng điều chỉnh pháp luật về quyền tự do lập hội ở Việt Nam.....	70
3.3. Thực tiễn thực hiện quyền tự do lập hội ở Việt Nam	91
3.4. Đánh giá chung về thực trạng quyền tự do lập hội ở Việt Nam.....	107
Kết luận chương 3	119

Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC TÔN TRỌNG THỨC ĐẨY VÀ BẢO VỆ QUYỀN TỰ DO LẬP HỘI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	120
4.1. Quan điểm đảm bảo quyền tự do lập hội ở Việt Nam hiện nay	120
4.2. Giải pháp tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền tự do lập hội ở Việt Nam hiện nay	123
Kết luận chương 4	147
KẾT LUẬN CHUNG	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ	149
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	150

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLDS	Bộ luật dân sự
BLHS	Bộ luật hình sự
CHLB	Cộng hoà Liên bang
CQNN	Cơ quan nhà nước
ĐLCB	Đạo luật cơ bản
ICCPR	Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và Chính trị năm 1966
ICESCR	Công ước Quốc tế về các Quyền kinh tế, Xã hội và Văn hoá năm 1966
ILO	Tổ chức lao động quốc tế
NNPQ	Nhà nước pháp quyền
NSNN	NSNN
MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
NLĐ	Người lao động
NGO	Tổ chức phi chính phủ
QLNN	Quản lý nhà nước
TDLH	Tự do lập hội
UDHR	Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XHDS	Xã hội dân sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quyền TDLH là quyền cơ bản của con người, được ghi nhận trong nhiều văn kiện chính trị - pháp luật quốc tế. Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân nói chung là bản chất của chế độ XHCN. Ở Việt Nam, đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đặt con người ở vị trí trung tâm của các chính sách kinh tế - xã hội; coi con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển của xã hội. Việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người được xem là nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững của Việt Nam. Trên tinh thần đó, khuôn khổ pháp luật nhằm thực thi quyền TDLH và các cơ chế, thủ tục nhằm thực thi quyền TDLH đã có những điều chỉnh từ rất sớm trong lịch sử lập hiến và hệ thống văn bản pháp luật liên quan. Gần đây nhất, Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 đã tái khẳng định mọi công dân có quyền hội họp, lập hội (Điều 25) [72].

Mặc dù vậy, pháp luật cũng như việc thực thi pháp luật về quyền TDLH vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. *Trên phương diện xây dựng pháp luật*, đáng chú ý là: pháp luật chưa kịp thời thể chế hoá những chính sách của Đảng và Nhà nước về hội, nội dung văn bản điều chỉnh quyền TDLH thiếu đồng bộ, chưa theo sát yêu cầu của thực tiễn, một số văn bản chưa thực sự phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người... Để triển khai Hiến pháp 2013, việc xây dựng Luật về hội đã được đưa vào chương trình lập pháp của Quốc hội. Theo đó, Luật về hội đã được Quốc hội (khóa XIII) thảo luận, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 10 vào cuối năm 2015. Tuy nhiên đến nay Luật về hội mới chỉ dừng ở bản dự thảo. Điều này không đáp ứng được nhu cầu điều chỉnh khi hội đang có vai trò rất quan trọng và có xu hướng phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới. *Trên phương diện thực thi pháp luật*, nhiều vướng mắc, bất cập nảy sinh xuất phát từ những hạn chế của hệ thống pháp luật. Trên thực tế, các tổ chức hội đang loay hoay với các quy định về chức năng và nhiệm vụ của mình nói riêng cũng như toàn bộ khung pháp lý quản lý hội nói chung. Nhiều quy định gây “bó tay” cho hoạt động của hội như: các quy định về thủ tục trong việc thành lập hội dễ dẫn tới việc vận

dụng các quan hệ cá nhân, hoặc năng lực vận động của Ban sáng lập; dễ bị cơ quan nhà nước gây khó dễ, thậm chí bị từ chối với những lý do không rõ ràng, “nhạy cảm”.... Hoặc các quy định liên quan đến chức năng giám sát và phản biện của hội. Mặc dù, pháp luật đã tạo ra cơ hội để các Hội lên tiếng phản biện nhưng hiệu quả phản biện chưa đúng với năng lực của các hội, ý kiến của các thành viên trong tổ chức hội chưa được tiếp thu một cách đầy đủ bởi cơ quan nhà nước. Từ góc độ khác, pháp luật tuy cho phép hội có thể hoạt động, tham gia cung cấp dịch vụ, vận động xã hội và chính sách...tuy nhiên, khi hoạt động của họ vưon ra các vùng bị nhà nước cho là nhạy cảm, không mong đợi thì khả năng họ bị hạn chế hoạt động hoặc bị loại bỏ ra khỏi các cuộc tham vấn chính sách, cắt đứt quan hệ với truyền thông nhà nước... Nói cách khác, chính hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành điều chỉnh những vấn đề về hội đã tác động ở các mức độ khác nhau đến thực tiễn thực thi quyền TDLH. Cho đến nay, có thể nói, quyền TDLH ở Việt Nam đang vấp phải những rào cản đáng kể, trước hết là những rào cản pháp lý. Vì vậy, về mặt nhận thức cũng như điều chỉnh pháp luật liên quan đến quyền TDLH cần có những chuyển biến đáng kể theo hướng tương thích với những tiêu chuẩn pháp lý quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Theo đó Nhà nước Việt Nam cần nhanh chóng hoàn thiện chính sách pháp luật để xây dựng cơ chế đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng, phát huy dân chủ để công dân có điều kiện tốt nhất thực thi quyền TDLH – quyền công dân chính đáng của mình, đồng thời tạo môi trường pháp lý thuận lợi nhất để các Hội, Hiệp hội phát triển và phát huy vai trò của mình trong tiến trình xây dựng đất nước, xây dựng một xã hội công dân hiện đại.

Đáp ứng yêu cầu nói trên, đã có một số công trình nghiên cứu ở các mức độ khác nhau hướng tới mục tiêu xây dựng luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật về hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, đang tồn tại khoảng trống đáng kể trong nghiên cứu có tính liên kết giữa quyền TDLH và xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý nhằm tôn trọng, bảo vệ, thúc đẩy quyền TDLH hiện nay.

Trong bối cảnh nói trên, rất cần triển khai nghiên cứu một cách đầy đủ và toàn diện nhằm làm sáng tỏ nhận thức lý luận về quyền TDLH và điều chỉnh

pháp luật về quyền TDLH, đánh giá thực tiễn pháp luật và thực thi pháp luật về quyền TDLH, từ đó xây dựng luận cứ để đưa ra các đề xuất, kiến nghị hiện thực hoá quyền TDLH ở Việt Nam hiện nay. Yêu cầu này cần được triển khai trong quy mô của luận án tiến sĩ, chuyên ngành luật học. Đây chính là nhận thức để nghiên cứu sinh lựa chọn và triển khai nghiên cứu đề tài luận án **“Quyền tự do lập hội ở Việt Nam hiện nay”**.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích

Mục đích tổng quát của luận án là xây dựng luận cứ khoa học cho việc đề xuất các giải pháp, trọng tâm là các giải pháp pháp lý, nhằm tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền TDLH ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ

- Tập hợp, phân tích làm sáng tỏ các khía cạnh lý luận về hội và quyền TDLH ở Việt Nam.
- Tìm hiểu pháp luật một số quốc gia về quyền TDLH, làm sáng tỏ các khuyến nghị và kinh nghiệm của thế giới về tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền TDLH.
- Đánh giá thực trạng pháp luật và thực trạng thực hiện pháp luật về quyền TDLH ở Việt Nam.
- Đề xuất phương hướng và giải pháp tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền TDLH ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1 Đối tượng nghiên cứu

- Các quan điểm khoa học về quyền con người và quyền TDLH.
- Các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế về quyền TDLH trong ICCPR và các văn bản chính trị - pháp lý liên quan.
 - Thực tiễn điều chỉnh pháp luật về quyền TDLH ở một số nước trên thế giới.
 - Hệ thống quy định pháp luật Việt Nam về quyền TDLH.
 - Thực tiễn tôn trọng, thúc đẩy và bảo vệ quyền TDLH ở Việt Nam.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Liên quan đến quyền TDLH là quan niệm về hội. Trên thế giới, khái niệm hội được hiểu theo nghĩa rộng, theo đó hội tồn tại dưới rất nhiều dạng, có thể có hoặc không có tư cách pháp nhân (câu lạc bộ, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức phi lợi nhuận, quỹ, công đoàn, tổ chức tôn giáo, đảng phái chính trị, doanh nghiệp, công ty...). Hầu hết các nước trên thế giới đều không thừa nhận một tổ chức là hội nếu tổ chức đó được thành lập vì mục đích kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận. Tuy nhiên, ở Việt Nam, hội không bao gồm các nhóm và tập thể do nhân dân tự nguyện bột phát, tức thời lập ra (không có điều lệ, không có đóng góp vật chất, sức lực, trí tuệ, không có hệ thống tổ chức thống nhất, chặt chẽ và không thường xuyên hành động). Đồng thời, các đoàn thể chính trị ở Việt Nam như MTTQ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và tuy cũng là các hội quần chúng tự nguyện nhưng được tổ chức theo nguyên tắc chặt chẽ hơn, quan hệ chặt chẽ và trực tiếp hơn với đảng cầm quyền, làm nòng cốt trong mọi hoạt động và tổ chức của các hội quần chúng cũng không được xem là hội [94, Tr. 2]. Ngoài ra, các tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng cũng không nằm trong nội hàm quan niệm về hội ở Việt Nam.

Vì vậy, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, quyền TDLH được nghiên cứu gắn với cách hiểu phổ biến trên thế giới về hội và không bao gồm các tổ chức có tính chất đặc thù ở Việt Nam nói trên.

Trong giới hạn cách hiểu về hội, luận án tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật Việt Nam về TDLH; thực tiễn thực thi quyền TDLH ở Việt Nam và các chuẩn mực pháp lý quốc tế liên quan.

- *Phạm vi thời gian*: Luận án nghiên cứu từ năm 1945 đến nay, trọng tâm là thời kỳ đổi mới đất nước (từ năm 1986 đến nay).

- *Phạm vi không gian*: Luận án tập trung nghiên cứu các Công ước quốc tế về quyền con người, kinh nghiệm điều chỉnh pháp luật ở một số quốc gia trên thế giới và thực tiễn pháp lý ở Việt Nam hiện nay.